Ký bởi: KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Cơ quan:
Thời gian ký: 15-12-2025
14:29:34+07:00

BỘ TÀI CHÍNH
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12086/QĐ-KBNN

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ tạm thời đối với các đơn vị thuộc Kho bạc Nhà nước

GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước; Quyết định số 2020/QĐ-BTC ngày 11/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 385/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước, của các cơ quan có thẩm quyền về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi đối với các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng ban Tài vụ - quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chi tiêu nội bộ tạm thời đối với các đơn vị thuộc Kho bạc Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 6177/QĐ-KBNN ngày 27/12/2017 của Giám đốc Kho bạc Nhà nước ban hành Quy chế chi tiêu và một số định mức chi nội bộ đối với các đơn vị thuộc hệ thống Kho bạc Nhà nước và các quy định trước đây trái với quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính (Cục KHTC);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TVQT, binhpt02 (05b).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ TÀI CHÍNH KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngô Thị Nhung

BỘ TÀI CHÍNH
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quy chế chi tiêu nội bộ tạm thời
đối với các đơn vị thuộc Kho bạc Nhà nước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12086/QĐ-KBNN ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Kho bạc Nhà nước)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc quản lý chi tiêu nội bộ tạm thời đối với các đơn vị thuộc Kho bạc Nhà nước (KBNN).

2. Đối tượng áp dụng

2.1. KBNN các khu vực; Văn phòng; Ban Công nghệ thông tin và chuyển đổi số *(sau đây gọi tắt là đơn vị dự toán thuộc KBNN).*

2.2. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Quy chế.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý chi và xây dựng định mức chi nội bộ

1. Quy chế quy định cụ thể một số định mức chi nội bộ để thực hiện thống nhất trong các đơn vị dự toán thuộc KBNN, bảo đảm phù hợp với hoạt động chuyên môn, đặc thù, tăng cường công tác quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm hiệu quả và bảo đảm trong phạm vi nguồn kinh phí được sử dụng.

2. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng trên cơ sở: Các quy định hiện hành về chế độ, định mức, tiêu chuẩn của Nhà nước, của các cơ quan có thẩm quyền ban hành, các nhiệm vụ chuyên môn, đặc thù của KBNN.

3. Bảo đảm tuân thủ theo các quy định hiện hành, công bằng, hợp lý, tương quan giữa khối lượng, tính chất của các hoạt động nghiệp vụ; đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ và thực hiện tốt quy chế công khai, dân chủ.

4. Quy chế chi tiêu nội bộ là căn cứ để xây dựng dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí.

5. Các đơn vị dự toán thuộc KBNN xây dựng mức chi phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị theo nguyên tắc:

- Thủ trưởng đơn vị dự toán được quyết định mức chi cho từng nội dung công việc phù hợp với quy mô, tính chất và đặc điểm hoạt động của đơn vị nhưng bảo đảm không vượt mức chi quy định hiện hành về chế độ, định mức, tiêu chuẩn của Nhà nước, của các cơ quan có thẩm quyền ban hành và quy định tại Quy chế này.

- Đối với những nội dung chi chưa quy định cụ thể mức chi tại Quy chế này, Thủ trưởng đơn vị dự toán thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước, của các cơ quan có thẩm quyền ban hành và KBNN.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1
NGUỒN KINH PHÍ VÀ CÁC NỘI DUNG CHI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ

1. Kinh phí Ngân sách nhà nước giao;

2. Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các nội dung chi thực hiện chế độ tự chủ

1. Các khoản chi thanh toán cá nhân: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể và các khoản thanh toán khác cho cá nhân theo quy định.

2. Chi thanh toán dịch vụ công cộng, chi phí thuê mướn, chi vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc.

3. Chi hội nghị, công tác phí trong nước.

4. Chi mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện, vật tư làm việc; sửa chữa thường xuyên tài sản (ngoài kinh phí giao không thực hiện tự chủ để sửa chữa lớn, mua sắm tài sản cố định);

5. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (vật tư phục vụ nhiệm vụ chuyên môn, phiên dịch, biên dịch tài liệu, xây dựng, rà soát, hoàn thiện, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật,...) ngoài kinh phí giao không thực hiện tự chủ thuộc nội dung đặc thù của KBNN.

6. Chi hỗ trợ hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể;

7. Các khoản chi hoạt động thường xuyên khác (các khoản phí và lệ phí, bảo hiểm phương tiện,...);

Mục 2
MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC CHI CỤ THỂ

Điều 5. Chi tiền lương, tiền công

Thực hiện theo khoản 3 Điều 3 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Thực hiện bảo lưu phần chênh lệch giữa tiền lương và thu nhập tăng thêm tháng 6/2024 của công chức với tiền lương từ ngày 01/7/2024 sau khi sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù. Trong thời gian chưa sửa đổi hoặc bãi bỏ các cơ chế này thì thực hiện mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng từ ngày 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm do điều chỉnh hệ số tiền lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc).

Việc phân phối được cụ thể như sau:

1. Tiền lương (01 lần lương) và các khoản đóng góp theo lương thực hiện theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước.

Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là tiền lương theo ngạch, bậc và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có).

2. Tiền lương tăng thêm hàng tháng được chi trả đảm bảo theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP

2.1. Đối tượng áp dụng: công chức; người làm các công việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (thuộc trường hợp được áp dụng hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang) sau đây gọi tắt là LĐHĐ 111.

2.2. Phân phối quỹ lương tăng thêm gắn với kết quả bình xét A, B, C

Trên cơ sở bình xét A, B, C của từng tháng theo hướng dẫn tại Công văn số 5772/KBNN-TCCB ngày 11/10/2024 của KBNN về việc hướng dẫn xếp loại lao động tháng trong hệ thống KBNN, các đơn vị KBNN thực hiện chi tiền lương tăng thêm tháng theo công thức:

Hệ số phân phối quỹ tiền lương tăng thêm A, B, C của tháng	=	*Kinh phí tiền lương tăng thêm tháng được phân phối theo A, B, C*	:	*Tổng tiền lương, phụ cấp của tháng theo kết quả bình xét A,B,C [(AxX)+(BxY)+(CxZ)]*

Mức tiền lương tăng thêm tháng được phân phối A, B, C từng công chức, LĐHĐ 111	=	*Hệ số phân phối quỹ tiền lương tăng thêm A, B, C của tháng*	x	*Tiền lương, phụ cấp của tháng theo kết quả bình xét A, B, C từng công chức, LĐHĐ 111*

Trong đó:

X là tổng tiền lương công chức, LĐHĐ 111 hưởng mức phân phối loại A = 1,2.

Y là tổng tiền lương công chức, LĐHĐ 111 hưởng mức phân phối loại B = 1,0.

Z là tổng tiền lương công chức, LĐHĐ 111 hưởng mức phân phối loại C = 0,8.

- Cuối quý, cộng dồn tiền lương tăng thêm phân phối theo A, B, C của 3 tháng để thanh toán cho công chức, LĐHĐ 111.

- Trường hợp công chức, người lao động được nâng lương nhưng quyết định nâng lương được ban hành sau thời điểm được nâng lương thì được truy lĩnh tiền lương theo quyết định nâng lương (không truy lĩnh khoản tiền lương tăng thêm A, B, C đã thanh toán).

3. Tiền công của người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng

Thực hiện theo Bộ Luật lao động, Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành hoặc sửa đổi, bổ sung (nếu có) của Nhà nước, Bộ Tài chính và KBNN.

Điều 6. Các khoản chi con người khác

1. Chi chế độ đối với công chức, người lao động vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Chi thi đua, chi khen thưởng

2.1. Chi thi đua, khen thưởng theo Luật thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật

thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Nhà nước, Bộ Tài chính và KBNN.

2.2. Chi tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Quyết định số 7777/QĐ-KBNN ngày 31/12/2024 của Giám đốc KBNN ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng của hệ thống KBNN.

3. Chi làm thêm giờ

Mọi công chức, người lao động phải có trách nhiệm hoàn thành công việc được giao trong giờ hành chính, trong trường hợp đặc biệt do yêu cầu công việc được Lãnh đạo phê duyệt phải làm thêm ngoài giờ hành chính, ngày lễ, ngày nghỉ hàng tuần sẽ được bố trí nghỉ bù; Trường hợp không thể giải quyết nghỉ bù thì trả lương theo chế độ làm thêm giờ.

Mức thanh toán tiền lương làm thêm giờ căn cứ vào nguồn kinh phí được giao của đơn vị và quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức. Số giờ làm thêm trong tháng và trong năm không được vượt quá số giờ theo quy định của hiện hành của Nhà nước.

4. Chi nghỉ phép năm

Thực hiện theo quy định tại Điều 113 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14, Điều 11 Luật cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 và Điều 65, Điều 66 và Điều 67 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

KBNN hướng dẫn về chế độ chi trả tiền lương, tiền hỗ trợ đối với những ngày được nghỉ phép hàng năm theo pháp luật quy định nhưng chưa nghỉ hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm như sau:

4.1. Điều kiện, chứng từ thanh toán

a) Các trường hợp theo quy định tại Điều 113 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 gồm: Người lao động (gồm công chức, người lao động hợp đồng) do thôi việc, bị mất việc làm mà chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm thì được thanh toán bằng tiền những ngày chưa nghỉ:

Căn cứ theo quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động, văn bản xác nhận của cơ quan, đơn vị về việc người lao động thôi việc, bị mất việc làm.

b) Các trường hợp theo quy định tại Điều 11 Luật cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 do yêu cầu công việc, cơ quan, đơn vị không bố trí được thời gian cho công chức, LĐHĐ 111 nghỉ phép:

Có đơn xin nghỉ phép nhưng được thủ trưởng, cơ quan, đơn vị nơi trực tiếp quản lý công chức, LĐHĐ 111 làm việc xác nhận do yêu cầu công việc nên không bố trí được thời gian cho công chức, LĐHĐ 111 nghỉ phép năm hoặc không bố trí đủ số ngày nghỉ phép năm.

4.2. Mức thanh toán và cách thức chi trả

a) Các trường hợp theo quy định tại Điều 113 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14:

- Căn cứ khả năng nguồn kinh phí, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định chi trả tiền lương đối với những ngày chưa nghỉ phép hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm nhưng tối đa không quá:

+ Đối với người lao động là công chức: theo mức lương ngạch bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp chức vụ, thâm niên nghề, phụ cấp khu vực, phụ cấp độc hại (nếu có) đang hiện hưởng.

+ Đối với người lao động thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động: theo mức tiền lương theo hợp đồng lao động của tháng trước liền kề tháng người lao động thôi việc, bị mất việc làm.

- Việc chi trả được thực hiện chậm nhất 01 tháng kể từ khi người lao động nghỉ việc.

b) Các trường hợp theo quy định tại Điều 11 Luật cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 do yêu cầu công việc, cơ quan, đơn vị không bố trí được thời gian cho công chức, LĐHĐ 111 nghỉ phép:

- Hàng năm căn cứ khả năng nguồn kinh phí, căn cứ tổng số ngày chưa nghỉ phép năm của công chức, LĐHĐ 111; thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định hỗ trợ tiền cho công chức, LĐHĐ 111 chưa nghỉ phép năm hoặc chưa nghỉ đủ số ngày nghỉ phép năm.

- Mức chi hỗ trợ được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị, nhưng tối đa không quá mức tiền lương làm thêm giờ vào ngày thứ bảy, chủ nhật theo quy định hiện hành.

- Thời gian chi trả: Được thực hiện một lần trong năm và được quyết toán vào niên độ ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

5. Chi phụ cấp trách nhiệm đối với kế toán trưởng, phụ trách kế toán

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán; Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục, thời điểm, hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước; Quyết định số 875/QĐ-BTC ngày 27/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán tại các đơn vị kế toán thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính, cụ thể:

- Kế toán trưởng được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc là 0,2 so với mức lương cơ sở.

- Phụ trách kế toán được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc là 0,1 so với mức lương cơ sở.

Điều 7. Chi phụ cấp, trang bị và bồi dưỡng đối với công tác lưu trữ, công tác kho quỹ

1. Chi công tác lưu trữ

1.1. Phụ cấp độc hại

Thực hiện Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức; Công văn số 2939/BNV–TL ngày 04/10/2005 của Bộ Nội vụ về chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành lưu trữ; KBNN quy định như sau:

- Công chức làm công tác chuyên trách về lưu trữ được hưởng phụ cấp độc hại theo hệ số:

+ Tại KBNN, KBNN khu vực: 0,2 mức lương cơ sở/tháng.

+ Tại Phòng Giao dịch: 0,1 mức lương cơ sở/tháng.

- Trường hợp công chức thực hiện nhiệm vụ bán chuyên trách thì được hưởng 1/2 mức quy định trên.

1.2. Trang bị bảo hộ lao động

Thực hiện theo quy định tại mục XXV. Văn hóa – Thông tin – Lưu trữ, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

1.3. Bồi dưỡng độc hại

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.

Căn cứ vào thời gian thực tế phải làm việc trong môi trường độc hại, các đơn vị dự toán thuộc KBNN xây dựng mức bồi dưỡng độc hại phù hợp với từng loại công việc, từng đối tượng.

Mức bồi dưỡng: bằng hiện vật được tính theo định suất và có giá trị bằng tiền mức tối đa 13.000 đồng/người/ngày.

Chế độ bồi dưỡng độc hại nêu trên được tính theo thời gian thực tế làm việc trong môi trường độc hại. Nếu làm việc dưới 4 giờ trong ngày thì được tính 1/2 ngày làm việc, nếu làm việc từ 4 giờ trở lên thì được tính cả ngày làm việc

2. Chi công tác kho quỹ

2.1. Phụ cấp trách nhiệm

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể:

a) Mức phụ cấp theo hệ số 0,2 mức lương cơ sở/tháng áp dụng cho: Thủ kho.

b) Mức phụ cấp theo hệ số 0,1 mức lương cơ sở/tháng áp dụng cho: Phụ kho, thủ quỹ.

Nếu một người kiêm nhiệm nhiều công việc, thuộc nhiều chức danh nêu trên thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp trách nhiệm cao nhất.

2.2. Phụ cấp độc hại

Thực hiện Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể:

a) Mức phụ cấp theo hệ số 0,2 mức lương cơ sở/tháng áp dụng cho các đối tượng: Thủ kho

b) Mức phụ cấp theo hệ số 0,1 mức lương cơ sở/tháng áp dụng đối với: Phụ kho, thủ quỹ.

Chế độ phụ cấp độc hại áp dụng cho những đối tượng nêu trên được tính theo thời gian thực tế làm việc trong môi trường độc hại. Nếu làm việc dưới 4 giờ trong ngày thì được tính 1/2 ngày làm việc, nếu làm việc từ 4 giờ trở lên thì được tính cả ngày làm việc.

Nếu một người kiêm nhiệm nhiều công việc, thuộc nhiều chức danh nêu trên thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp độc hại cao nhất.

2.3. Trang bị bảo hộ lao động

Thực hiện theo quy định tại mục XXVII. Tài chính – Ngân hàng, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

2.4. Bồi dưỡng độc hại

Thực hiện theo quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều này.

Điều 8. Chi hội nghị, công tác phí, tiếp khách

1. Chi hội nghị, công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

2. Chi tiếp khách nước ngoài, trong nước: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; Thông tư số 54/2021/TT-BTC ngày 06/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 35 Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

3. Chi công tác ngắn hạn ở nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Điều 9. Chi hoạt động của Trang thông tin điện tử KBNN

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 225/QĐ-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ chi phục vụ hoạt động đối với trang thông tin điện tử của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính. Thủ trưởng đơn vị dự toán quy định chi tiết tại quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để thực hiện.

Điều 10. Chi công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Cụ thể:

1. Đối tượng: Công chức được giao nhiệm vụ xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (Thủ trưởng đơn vị phê duyệt danh sách công chức thực hiện nhiệm vụ).

2. Nguyên tắc thực hiện chế độ bồi dưỡng

- Thủ trưởng đơn vị cân nhắc khi giao nhiệm vụ cho công chức làm công tác xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (số lượng công chức;

thời gian thụ lý hồ sơ, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

- Chế độ bồi dưỡng được tính theo số ngày thực tế công chức trực tiếp xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nhưng tổng chi bồi dưỡng trong tháng tối đa 500.000 đồng/người.

- Trường hợp trong một thời gian, công chức được giao nhiều nhiệm vụ trong xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và mỗi nhiệm vụ được hưởng một mức bồi dưỡng khác nhau thì chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất.

3. Mức chi bồi dưỡng: Tối đa 50.000 đồng/ngày/người.

Điều 11. Chi công tác xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2344/QĐ-BTC ngày 03/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành kế hoạch thực hiện chương trình xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2025 tại Bộ Tài chính.

Nội dung mức chi thực hiện theo Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định công tác quản lý tài chính đối với việc tư vấn, xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; Thông tư số 07/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN về tư vấn xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước và các văn bản có liên quan.

Điều 12. Chi công tác đấu thầu

Thực hiện theo quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 13. Chi công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Thực hiện theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong thời gian Chính

phủ, Bộ Tài chính chưa ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị quyết thì thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

1. Chi xây dựng văn bản

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Quyết định số 140/QĐ-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế hướng dẫn lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Tài chính và các văn bản có liên quan.

2. Chi cho công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 192/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/12/2013 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và pháp điểm hệ thống quy phạm pháp luật; Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3. Chi thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

4. Chi phổ biến, giáo dục pháp luật

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

5. Chi hỗ trợ công chức làm công tác pháp chế

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế; Thông tư số 03/2025/TT-BTP ngày 31/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch pháp chế viên và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Đối tượng: Công chức làm công tác pháp chế tại KBNN (theo danh sách được Giám đốc KBNN phê duyệt).

Mức hỗ trợ: 60.000 đồng/ngày làm việc.

Điều 14. Chi công tác kiểm soát thủ tục, cải cách hành chính

1. Chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

Chi hỗ trợ công chức làm nhiệm vụ đầu mối công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 1645/QĐ-BTC ngày 17/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Chi thực hiện bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước; Thông tư số 33/2022/TT-BTC ngày 09/6/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BTC.

Điều 15. Chi công tác phòng cháy chữa cháy

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số 04/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ đối với

người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy và cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Điều 16. Chi nghiệp vụ phát hành, thanh toán trái phiếu Chính phủ

1. Việc quản lý, sử dụng phí tổ chức, phát hành, thanh toán trái phiếu Chính phủ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước; Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước.

2. KBNN thực hiện chi khen thưởng đột xuất và định kỳ cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phát hành trái phiếu Chính phủ theo mức chi như sau:

- Đối với tổ chức: Căn cứ kết quả phối hợp công tác hàng quý, 6 tháng, cả năm hoặc phối hợp đột xuất của các tổ chức góp phần hoàn thành công tác phát hành trái phiếu và được xác nhận của bộ phận nghiệp vụ có liên quan trong đơn vị, Giám đốc KBNN quyết định mức chi khen thưởng cho các tổ chức, tối đa 30.000.000 đồng/tổ chức.

- Đối với cá nhân: Định kỳ hoặc đột xuất, căn cứ báo cáo của bộ phận nghiệp vụ về thành tích trong công tác phát hành trái phiếu, Giám đốc KBNN quyết định mức chi khen thưởng cho các cá nhân, tối đa 5.000.000 đồng/người.

Điều 17. Chi nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số

1. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

2. Chi hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, giao dịch điện tử và các vị trí việc làm khác liên quan đến chuyển đổi số do KBNN ban hành:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác

chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 18. Chi tổ chức các kỳ thi tuyển dụng công chức

Thực hiện theo quy định tại Luật cán bộ, công chức năm 2025; Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 19. Chi công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

Điều 20. Chi hoạt động các tổ chức Đảng, đoàn thể

1. Chi hỗ trợ hoạt động Đảng

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương về việc ban hành quy định chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở.

Về chi phụ cấp công tác Đảng: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Công văn số 1131-CV/VPTW/NB ngày 05/02/2009 của Văn phòng Trung ương; Công văn số 404-CV/ĐU ngày 11/03/2009 của Đảng ủy cơ quan Bộ Tài chính.

2. Chi hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 04/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí về thực hiện dân chủ ở cơ sở để hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Chi hoạt động của Hội Cựu chiến binh

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh; Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BLĐTB&XH-HCCBVN-BTC-BQP ngày 25/7/2007 của liên Bộ Lao động thương binh và xã hội - Hội Cựu chiến binh Việt Nam - Bộ Tài chính - Bộ Quốc phòng; Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2020 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 157/2016/NĐ-CP; Thông tư số 71/2015/TT-BTC ngày 11/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động Hội Cựu Chiến binh trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thực hiện như sau:

- Mức phụ cấp: 7% mức lương ngạch, bậc do Nhà nước quy định, phụ cấp chức vụ, thâm niên vượt khung (nếu có)/tháng đối với Chủ tịch Hội (lương 1 lần).

- Mức phụ cấp: 5% mức lương ngạch, bậc do Nhà nước quy định, phụ cấp chức vụ, thâm niên vượt khung (nếu có)/tháng đối với Phó chủ tịch Hội (lương 1 lần).

- Đối với cấp chi hội không thuộc đối tượng áp dụng chế độ này.

4. Chi hoạt động Dân quân tự vệ

Thực hiện theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ; Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ; Nghị định số 220/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị định trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

5. Chi hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 191/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ, KBNN quy định như sau:

- Các đơn vị KBNN đảm bảo kinh phí đối với nội dung chi hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ gồm: Chi tổ chức sơ kết, tổng kết, hội thảo, chi văn phòng phẩm, công tác phí, chi thanh toán làm thêm giờ, chi bồi dưỡng cho hoạt động kiểm tra... thực hiện theo quy định hiện hành.

- Hàng năm, căn cứ chương trình hành động và hoạt động cụ thể, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ thành lập ở các đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động; chi tiêu và quyết toán kinh phí theo chế độ tài chính hiện hành.

6. Chi hoạt động của Đoàn Thanh niên và các đoàn thể khác

Thực hiện theo các quy định hiện hành. Khi có nhiệm vụ phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Đoàn thanh niên lập dự toán gửi Thủ trưởng đơn vị dự toán để cân đối nguồn, phê duyệt sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên thực hiện tự chủ của đơn vị.

Điều 21. Chi các nhiệm vụ chuyên môn khác

Chi đảm bảo điều kiện làm việc, ăn, nghỉ cho lực lượng cảnh sát bảo vệ mục tiêu của KBNN; Chi trực bảo vệ các trụ sở KBNN có kho tiền; Chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản; Chi phục vụ hoạt động in ấn đối với toàn bộ tài liệu chứng từ, báo cáo nghiệp vụ chuyên môn của KBNN; Chi chỉnh lý, lưu trữ tài liệu, chứng từ, báo cáo: Thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước, Bộ Tài chính và KBNN.

Mục 3
QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ TIẾT KIỆM ĐƯỢC

Điều 22. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ tiết kiệm được

Kết thúc năm ngân sách, sau khi đã hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao, số kinh phí thực hiện chế độ tự chủ tiết kiệm được là khoản chênh lệch giữa số chi thực tế thấp hơn dự toán kinh phí được KBNN giao.

- Các hoạt động nghiệp vụ giao thực hiện tự chủ, đã thực hiện xong đầy đủ nhiệm vụ, khối lượng theo dự toán được duyệt, đảm bảo chất lượng thì kinh phí chưa sử dụng hết là khoản kinh phí tiết kiệm.

- Các hoạt động nghiệp vụ đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ nếu không thực hiện nhiệm vụ được giao, không thực hiện đầy đủ số lượng, khối lượng công việc, hoặc thực hiện không đảm bảo chất lượng thì không được xác định là kinh phí tiết kiệm. Các đơn vị xác định rõ nhiệm vụ, công việc đã thực hiện một phần để quyết toán phần kinh phí đã triển khai đối với khối lượng thực hiện theo quy định. Kinh phí của các nhiệm vụ, công việc chưa thực hiện hoặc đang thực hiện dở dang được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện và được phân bổ vào kinh phí giao tự chủ của năm sau.

Điều 23. Nội dung sử dụng kinh phí tự chủ tiết kiệm được

Các đơn vị sử dụng kinh phí tự chủ tiết kiệm được theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 và Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thủ trưởng các đơn vị dự toán quyết định nội dung, mức chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị làm căn cứ thực hiện đảm bảo công bằng, hiệu quả, đảm bảo chất lượng công việc. Kinh phí tiết kiệm được sử dụng cho các nội dung sau:

1. Chi khen thưởng: Khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công việc và thành tích đóng góp ngoài chế độ khen thưởng

theo quy định hiện hành của Luật Thi đua khen thưởng và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

2. Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể:

- Hỗ trợ các hoạt động đoàn thể; văn nghệ, từ thiện, thể thao…

- Hỗ trợ các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm (ngày Phụ nữ Việt Nam, ngày Thương binh Liệt sỹ...)

- Trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất

- Thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỷ; nghỉ hưu, nghỉ mất sức

- Hỗ trợ công chức, người lao động khi thực hiện tinh giản biên chế

- Chi khám sức khỏe định kỳ cho công chức, người lao động

- Chi các khoản phúc lợi khác do Thủ trưởng đơn vị quyết định căn cứ vào thực tế kinh phí tiết kiệm để quy định các khoản phúc lợi cho phù hợp.

3. Trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập: Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Tổ chức thực hiện:

1. Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc KBNN có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này; đồng thời căn cứ quy định pháp luật, Quy chế này để ban hành Quy chế chi tiêu tại đơn vị theo thẩm quyền để cụ thể hóa nội dung, định mức kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó. Trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các đơn vị báo cáo kịp thời về KBNN (qua Ban Tài vụ - Quản trị) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.